# PHỤ LỤC 2: DANH MỤC CÁC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ THEO PHƯƠNG THỨC CHÀO GIÁ CẠNH TRANH (ĐỢT 1)

*(Kèm theo Thông báo số ...../TB-TTPTQĐTPHP ngày ..... tháng ..... năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng)*

| STT | Tên cơ sở nhà, đất | Địa chỉ xã/phường | Mã tài sản | Diện tích (m2) | | | Giá sàn cho thuê (đồng/m2/năm) | Diện tích nhà cho thuê (m2) | Thời hạn cho thuê nhà (năm) | Mục đích sử dụng | Tiền đặt trước làm tròn (đồng) | Thời gian, địa điểm nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước | Thời gian, địa điểm tổ chức xác định người được quyền thuê nhà | Vị trí Google Map |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Đất | Sàn xây dựng nhà | Sàn sử dụng nhà | | | | | | | | |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* | *(12)* | *(13)* | *(14)* | *(15)* |
| 1 | Đất, nhà Hạt 2 QL.18 (Bến phà Phả Lại cũ) | Phường Chí Linh | TPHP018 | 334.7 | 133.0 | 133.0 | 586,744 | 133.00 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 7,804,000 | - Từ **thời điểm Thông báo đến 17h00' ngày 24/11/2026**, tổ chức, cá nhân nộp phiếu đăng ký thuê nhà tại: Trung tâm Phát triển quỹ đất, số 58 đường Quang Trung, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng; tiền đặt trước nộp vào Số tài khoản: 3103010379 tại Ngân hàng Vietcombank, Chi nhánh Hải Dương **(Trong giờ hành chính).**<br>- Mỗi tổ chức, cá nhân chỉ được đăng ký 01 Phiếu đăng ký thuê nhà đối với mỗi cơ sở nhà, đất. Trường hợp nộp thay đổi với cá nhân hoặc người nộp hồ sơ không phải là người đại diện theo pháp luật của tổ chức thì phải có văn bản ủy quyền theo quy định pháp luật. | Thời gian tổ chức xác định người được quyền thuê nhà: **9h00' ngày 25/11/2026 tại phòng họp Tầng 3** - Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng, số 58 đường Quang Trung, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng. | |
| 2 | Trụ sở làm việc (cũ) của Chi cục Thuế TP Chí Linh | Phường Chu Văn An | TPHP019 | 1,737.2 | 1,308.0 | 1,308.0 | 302,467 | 1,308.00 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 39,563,000 | | | |
| 3 | Nhà văn hóa An Hưng (cũ) | Phường Chu Văn An | TPHP020 | 8,281.8 | 100.0 | 100.0 | 1,876,895 | 100.00 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 18,769,000 | | | |
| 4 | Trung tâm Y tế Hải Dương (số 20 Bắc Kinh) | Phường Hải Dương | TPHP021 | 294.1 | 286.6 | 286.6 | 309,348 | 286.60 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 8,866,000 | | | |
| 5 | Trung tâm Y tế Hải Dương (số 11D Bắc Sơn) | phường Hải Dương | TPHP022 | 407.4 | 375.6 | 375.6 | 297,762 | 375.60 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 11,184,000 | | | |
| 6 | Thuế cơ sở 9 (số 116 Đại lộ Trần Hưng Đạo) | Phường Hải Dương | TPHP023 | 227.2 | 755.0 | 755.0 | 656,236 | 755.00 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 49,546,000 | | | |
| 7 | Trụ sở Chi cục Phát triển nông thôn - Sở Nông nghiệp và Môi trường (Số 69 Canh Nông) | Phường Hải Dương | TPHP024 | 1,385.0 | 732.0 | 732.0 | 496,979 | 732.00 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 36,379,000 | | | |
| 8 | Trạm Y tế phường Hải Dương - 18 đường Nhà Thờ | Phường Hải Dương | TPHP025 | 153.9 | 258.0 | 258.0 | 333,269 | 258.00 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 8,598,000 | | | |
| 9 | Trường THPT Nhị Chiểu (Số 253 Vũ Mạnh Hùng) | Phường Nhị Chiểu | TPHP026 | 6,097.8 | 1,681.0 | 1,681.0 | 520,159 | 1,681.00 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 87,439,000 | | | |
| 10 | Trụ sở Trạm y tế Xã Thạch Lỗi cũ | Xã Cẩm Giang | TPHP027 | 864.2 | 376.8 | 376.8 | 391,268 | 376.80 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 14,743,000 | | | |
| 11 | Trạm Y tế thị trấn Cẩm Giàng cũ | Xã Cẩm Giang | TPHP028 | 721.4 | 115.6 | 115.6 | 472,363 | 115.60 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 5,461,000 | | | |

**PHỤ LỤC 2: DANH MỤC CÁC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ THEO PHƯƠNG THỨC CHÀO GIÁ CẠNH TRANH (ĐỢT 1)**

*(Kèm theo Thông báo số ...../TB-TTPTQĐTPHP ngày ..... tháng ..... năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng)*

| STT | Tên cơ sở nhà, đất | Địa chỉ xã/phường | Mã tài sản | Diện tích (m2) | | | Giá sàn cho thuê (đồng/m2/năm) | Diện tích nhà cho thuê (m2) | Thời hạn cho thuê nhà (năm) | Mục đích sử dụng | Tiền đặt trước làm tròn (đồng) | Thời gian, địa điểm nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước | Thời gian, địa điểm tổ chức xác định người được quyền thuê nhà | Vị trí Google Map |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Đất | Sàn xây dựng nhà | Sàn sử dụng nhà | | | | | | | | |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* | *(12)* | *(13)* | *(14)* | *(15)* |
| 12 | Thuế cơ sở 12 - xã Gia Lộc | Xã Gia Lộc | TPHP029 | 188.2 | 133.0 | 133.0 | 1,137,725 | 133.00 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 15,132,000 | - Từ **thời điểm Thông báo đến 17h00' ngày 24/11/2026**, tổ chức, cá nhân nộp phiếu đăng ký thuê nhà tại: Trung tâm Phát triển quỹ đất, số 58 đường Quang Trung, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng; tiền đặt trước nộp vào Số tài khoản: 3103010379 tại Ngân hàng Vietcombank, Chi nhánh Hải Dương **(Trong giờ hành chính).**<br>- Mỗi tổ chức, cá nhân chỉ được đăng ký 01 Phiếu đăng ký thuê nhà đối với mỗi cơ sở nhà, đất. Trường hợp nộp thay đổi với cá nhân hoặc người nộp hồ sơ không phải là người đại diện theo pháp luật của tổ chức thì phải có văn bản ủy quyền theo quy định pháp luật. | Thời gian tổ chức xác định người được quyền thuê nhà bắt đầu từ **9h00' ngày 25/11/2026 tại phòng họp Tầng 3** - Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng, số 58 đường Quang Trung, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng | |
| 13 | Trụ sở Hạt Giao thông huyện Gia Lộc cũ | Xã Gia Lộc | TPHP030 | 658.8 | 570.0 | 570.0 | 321,257 | 570.00 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 18,312,000 | | | |
| 14 | Trụ sở Trạm Y tế Tân Tiến cũ | Xã Gia Lộc | TPHP031 | 1,131.0 | 249.0 | 249.0 | 429,712 | 249.00 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 10,700,000 | | | |
| 15 | Trường tiểu học thị trấn Gia Lộc (phân khu 2) | Xã Gia Lộc | TPHP032 | 2,778.7 | 744.6 | 744.6 | 174,268 | 744.60 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 12,976,000 | | | |
| 16 | Trụ sở tiếp dân (Thanh tra huyện cũ), Xã Gia Lộc sau sắp xếp | Xã Gia Lộc | TPHP033 | 345.7 | 951.0 | 951.0 | 212,043 | 951.00 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 20,165,000 | | | |
| 17 | Trụ sở UBND Xã Gia Tiến (UBND Xã Gia Lương cũ) | Xã Gia Lộc | TPHP034 | 6,561.2 | 1,618.0 | 1,618.0 | 926,031 | 1,618.00 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 149,832,000 | | | |
| 18 | Trụ sở UBND thị trấn Gia Lộc cũ | Xã Gia Lộc | TPHP035 | 2,901.4 | 560.0 | 560.0 | 957,669 | 560.00 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 53,629,000 | | | |
| 19 | Trạm y tế xã Hà Tây - Điểm trạm y tế số 2 (trạm y tế xã An Lương cũ) - Thôn An Lại | Xã Hà Tây | TPHP036 | 849.2 | 450.0 | 450.0 | 274,086 | 450.00 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 12,334,000 | | | |
| 20 | Trường THCS An Phượng - cs2 (trụ sở UBND xã An Lương cũ) Thôn An Lại | Xã Hà Tây | TPHP037 | 1,966.4 | 870.0 | 870.0 | 458,781 | 870.00 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 39,914,000 | | | |
| 21 | Trạm Y tế xã Đông Xuyên (cũ) Thôn Đông Cao | Xã Khúc Thừa Dụ | TPHP038 | 1,730.0 | 500.0 | 500.0 | 458,183 | 500.00 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 22,909,000 | | | |
| 22 | Trạm y tế xã Thượng Vũ (cũ) | Xã Lai Khê | TPHP039 | 2,435.5 | 176.0 | 176.0 | 342,557 | 176.00 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 6,029,000 | | | |
| 23 | Trạm bến Cậy địa chỉ xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng cũ | Xã Mao Điền | TPHP040 | 633.2 | 259.9 | 259.9 | 327,176 | 259.90 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 8,503,000 | | | |

**PHỤ LỤC 2: DANH MỤC CÁC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ THEO PHƯƠNG THỨC CHÀO GIÁ CẠNH TRANH (ĐỢT 1)**

*(Kèm theo Thông báo số ...../TB-TTPTQĐTPHP ngày ..... tháng ..... năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng)*

| STT | Tên cơ sở nhà, đất | Địa chỉ xã/phường | Mã tài sản | Diện tích (m2) | | | Giá sàn cho thuê (đồng/m2/năm) | Diện tích nhà cho thuê (m2) | Thời hạn cho thuê nhà (năm) | Mục đích sử dụng | Tiền đặt trước làm tròn (đồng) | Thời gian, địa điểm nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước | Thời gian, địa điểm tổ chức xác định người được quyền thuê nhà | Vị trí Google Map |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Đất | Sàn xây dựng nhà | Sàn sử dụng nhà | | | | | | | | |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* | *(12)* | *(13)* | *(14)* | *(15)* |
| 24 | Trụ sở đội thuế Phúc Thành thuộc Chi cục thuế khu vực Kinh Môn (cũ) | Xã Nam An Phụ | TPHP041 | 226.7 | 56.0 | 56.0 | 906,222 | 56.00 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 5,075,000 | - Từ **thời điểm Thông báo đến 17h00' ngày 24/11/2026**, tổ chức, cá nhân nộp phiếu đăng ký thuê nhà tại: Trung tâm Phát triển quỹ đất, số 58 đường Quang Trung, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng; tiền đặt trước nộp vào Số tài khoản: 3103010379 tại Ngân hàng Vietcombank, Chi nhánh Hải Dương **(Trong giờ hành chính)**.<br>- Mỗi tổ chức, cá nhân chỉ được đăng ký 01 Phiếu đăng ký thuê nhà đối với mỗi cơ sở nhà, đất. Trường hợp nộp thay đối với cá nhân hoặc người nộp hồ sơ không phải là người đại diện theo pháp luật của tổ chức thì phải có văn bản ủy quyền theo quy định pháp luật. | Thời gian tổ chức xác định người được quyền thuê nhà bắt đầu từ **9h00' ngày 25/11/2026 tại phòng họp Tầng 3** - Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng, số 58 đường Quang Trung, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng | |
| 25 | Trụ sở phòng Tài chính - Kế hoạch (cũ) | Xã Nam Sách | TPHP042 | 289.6 | 420.0 | 420.0 | 261,903 | 420.00 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 11,000,000 | | | |
| 26 | Thuế cơ sở 14 | Xã Nam Sách | TPHP043 | 203.8 | 265.0 | 265.0 | 1,151,799 | 265.00 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 30,523,000 | | | |
| 27 | Trụ sở tiếp công dân UBND huyện Nam Sách cũ | Xã Nam Sách | TPHP044 | 439.1 | 390.4 | 390.4 | 546,335 | 390.40 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 21,329,000 | | | |
| 28 | Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang cũ | Xã Ninh Giang | TPHP045 | 624.8 | 251.0 | 251.0 | 477,226 | 251.00 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 11,978,000 | | | |
| 29 | Trụ sở UBND xã Kim Liên xây dựng cho Công an xã Kim Liên sử dụng | Xã Phú Thái | TPHP046 | 2,597.5 | 502.0 | 502.0 | 790,628 | 502.00 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 39,690,000 | | | |
| 30 | Trung tâm Y tế Thanh Hà (112 đường Nguyễn Hải Thanh) | Xã Thanh Hà | TPHP047 | 1,651.6 | 557.0 | 557.0 | 552,170 | 557.00 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 30,756,000 | | | |
| 31 | VKSND huyện Thanh Hà | Xã Thanh Hà | TPHP048 | 1,279.7 | 860.0 | 860.0 | 263,395 | 860.00 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 22,652,000 | | | |
| 32 | Trụ sở UBND thị trấn Thanh Hà (Thanh Khê cũ) | Xã Thanh Hà | TPHP049 | 4,958.6 | 1,483.0 | 1,483.0 | 212,364 | 1,483.00 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 31,494,000 | | | |
| 33 | Trụ sở UBND xã Thanh Sơn (cũ) | Xã Thanh Hà | TPHP050 | 4,409.1 | 1,456.0 | 1,456.0 | 270,114 | 1,456.00 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 39,329,000 | | | |
| 34 | Trụ sở làm việc của Trạm y tế thị trấn Thanh Hà Cũ (Trụ sở làm việc của Trạm y tế Xã Thanh Khê cũ; do Xã Thanh Khê sát nhập với thị trấn Thanh Hà) | Xã Thanh Hà | TPHP051 | 767.5 | 450.0 | 450.0 | 302,201 | 450.00 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 13,599,000 | | | |

**PHỤ LỤC 2: DANH MỤC CÁC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT CHO THUÊ THEO PHƯƠNG THỨC CHÀO GIÁ CẠNH TRANH (ĐỢT 1)**

*(Kèm theo Thông báo số ...../TB-TTPTQĐTPHP ngày ..... tháng ..... năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng)*

| STT | Tên cơ sở nhà, đất | Địa chỉ xã/phường | Mã tài sản | Diện tích (m2) | | | Giá sàn cho thuê (đồng/m2/năm) | Diện tích nhà cho thuê (m2) | Thời hạn cho thuê nhà (năm) | Mục đích sử dụng | Tiền đặt trước làm tròn (đồng) | Thời gian, địa điểm nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước | Thời gian, địa điểm tổ chức xác định người được quyền thuê nhà | Vị trí Google Map |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Đất | Sàn xây dựng nhà | Sàn sử dụng nhà | | | | | | | | |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* | *(12)* | *(13)* | *(14)* | *(15)* |
| 35 | Thuế cơ sở 12 - xã Tứ Kỳ | Xã Tứ Kỳ | TPHP052 | 316.0 | 268.1 | 268.1 | 369,590 | 268.05 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 9,907,000 | - Từ **thời điểm Thông báo đến 17h00' ngày 24/11/2026**, tổ chức, cá nhân nộp phiếu đăng ký thuê nhà tại: Trung tâm Phát triển quỹ đất, số 58 đường Quang Trung, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng; tiền đặt trước nộp vào Số tài khoản: 3103010379 tại Ngân hàng Vietcombank, Chi nhánh Hải Dương **(Trong giờ hành chính).**<br>- Mỗi tổ chức, cá nhân chỉ được đăng ký 01 Phiếu đăng ký thuê nhà đối với mỗi cơ sở nhà, đất. Trường hợp nộp thay đối với cá nhân hoặc người nộp hồ sơ không phải là người đại diện theo pháp luật của tổ chức thì phải có văn bản ủy quyền theo quy định pháp luật. | Thời gian tổ chức xác định người được quyền thuê nhà bắt đầu từ **9h00' ngày 25/11/2026 tại phòng họp Tầng 3** - Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng, số 58 đường Quang Trung, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng | |
| 36 | Trụ sở Đội Thuế xã Cộng Hòa | Xã Lai Khê | TPHP053 | 135.0 | 118.8 | 118.8 | 1,065,265 | 118.80 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 12,655,000 | | | |
| 37 | Trụ sở Ban Quản lý dự án bảo trì và kết cấu hạ tầng giao thông tỉnh Hải Dương cũ (141/79 - Thống Nhất) | Phường Lê Thanh Nghị | TPHP054 | 644.6 | 882.5 | 882.5 | 671,594 | 882.45 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 59,265,000 | | | |
| 38 | Viện cây lương thực và cây thực phẩm tại phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương cũ | Phường Ái Quốc | TPHP055 | 2,857.4 | 194.0 | 194.0 | 1,298,951 | 194.00 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 25,200,000 | | | |
| 39 | Nhà trẻ cũ xóm mới Khu dân cư Cầu Dòng, phường Cộng Hoà, thành phố Chí Linh cũ | Phường Trần Hưng Đạo | TPHP056 | 3,156.0 | 91.0 | 91.0 | 972,855 | 91.00 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 8,853,000 | | | |
| 40 | Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Ninh Giang tại đường Ninh Thái, thị trấn Ninh Giang, huyện Ninh Giang cũ | Xã Ninh Giang | TPHP057 | 1,164.5 | 450.0 | 450.0 | 113,967 | 450.00 | 2 | Thương mại, dịch vụ | 5,128,000 | | | |